

Số: 5235/2024/QĐST-VDS

Thành phố Thủ Đức, ngày 19 tháng 11 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ

Về việc yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TP. THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Nguyễn Trung Thực.

Thư ký phiên họp: Bà Nguyễn Thị Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên họp: Bà Trần Thị Lam – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự sơ thẩm thụ lý số 161/2024/TLST-VLĐ ngày 04 tháng 10 năm 2024 về việc “Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 161/2024/QĐST-VDS ngày 04 tháng 11 năm 2024, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Bà Trần Thị Mộng K, sinh năm 1990 (có mặt).

Địa chỉ: 1 Khu phố T, phường V, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Lê Thị Mộng C, sinh năm 1996. (có mặt)

Địa chỉ: Ấp Đ, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

2. Công ty Cổ phần D.

Địa chỉ: Số A đường T, phường P, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Võ Duy S, sinh năm: 1972; địa chỉ: F Đường A, Khu phố C, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh – là đại diện theo ủy quyền (Theo Giấy ủy quyền số 25-2024/UQ-LP ngày 25/10/2024) (xin vắng mặt).

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Tại đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự, các bản tự khai và tại phiên họp người yêu cầu bà Trần Thị Mộng K trình bày:

Năm 2009, bà có cho người em là bà Lê Thị Mộng C, sinh năm 1996 mượn chứng minh nhân dân để thực hiện hợp đồng lao động, đi làm tại Công ty Cổ phần D

và có đóng bảo hiểm xã hội số 7909307832. Cùng thời điểm đó bà K đang làm việc và đóng bảo hiểm tại Công ty TNHH D1 và có sổ bảo hiểm số 7410354886 tham gia từ tháng 10/2010. Năm 2011, sau khi nghỉ việc tại Công ty TNHH D1 thì bà K có liên hệ làm thủ tục bảo hiểm xã hội thì được biết bị trùng như trên. Do đó, bà K yêu cầu Tòa án tuyên bố Hợp đồng lao động giữa bà Trần Thị Mộng K (do bà Lê Thị Mộng C mượn tên) với Công ty Cổ phần D là vô hiệu.

Tại Bản tự khai và tại phiên họp người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Lê Thị Mộng C trình bày:

Bà C xác nhận vào năm 2009 do chưa đủ tuổi lao động nên có mượn chứng minh nhân dân của bà K để đi làm tại Công ty Cổ phần D. Tại thời điểm thực hiện hợp đồng lao động với Công ty bà chỉ đưa chứng minh nhân dân cho công ty, bà không giữ hợp đồng lao động, bà chỉ làm trong thời gian ngắn và đã nghỉ việc tại công ty năm 2010, công ty D có đóng bảo hiểm đầy đủ cho bà. Bà C đồng ý với yêu cầu của bà K về việc tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà K (do bà C thực hiện hợp đồng) với Công ty Cổ phần D là vô hiệu.

Tại Bản tự khai, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty Cổ phần D có ông Võ Duy S đại diện trình bày:

Do thời gian quá lâu, nhân sự lại thường xuyên thay đổi nên Công ty Cổ phần D không tìm được hồ sơ lao động của bà K nên không cung cấp được. Công ty không có ý kiến về yêu cầu của bà K, đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu của bà K theo quy định pháp luật. Ông S có ý kiến xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ việc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức phát biểu quan điểm: Về trình tự, thủ tục, Tòa án đã tiến hành đúng quy định của pháp luật. Về nội dung, đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà K.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án và pháp luật áp dụng:

Bà Trần Thị Mộng K yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà K với Công ty Cổ phần D vô hiệu, hợp đồng lao động được giao kết và thực hiện tại thành phố T, do đó căn cứ vào khoản 1 Điều 33, điểm d khoản 2 Điều 35, điểm v khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đây là việc lao động “Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty Cổ phần D có ông Võ Duy S đại diện vắng mặt tại phiên họp và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, do đó Tòa án vẫn mở phiên họp giải quyết việc dân sự theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Yêu cầu của bà K liên quan đến hợp đồng lao động trong năm 2009 nên Tòa án áp dụng Bộ luật lao động năm 1994 (đã được sửa đổi bổ sung năm 2002, 2006, 2007) để giải quyết tranh chấp.

[2] Về yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu:

Tại phiên họp, Tòa án đã giải thích rõ hậu quả của Hợp đồng lao động vô hiệu cho các đương sự, bà K và bà C vẫn giữ nguyên ý kiến và yêu cầu khởi kiện như đã trình bày.

Căn cứ văn bản số 4994/BHXXH - TST ngày 28/10/2024 của Bảo hiểm xã hội thành phố T xác định trong thời gian từ tháng 09/2009 đến tháng 12/2010 bà Trần Thị Mộng K có tham gia bảo hiểm xã hội với số sổ bảo hiểm là 7909307832 (nơi làm việc là Công ty Cổ phần D).

Bà Lê Thị Mộng C xác nhận có mượn chứng minh nhân dân của bà K để giao kết và trực tiếp thực hiện hợp đồng lao động với Công ty Cổ phần D từ tháng 09/2009 đến tháng 12/2010 và đồng ý với yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động của bà K, không có ý kiến gì khác. Công ty Cổ phần D xác định không còn lưu trữ hồ sơ liên quan và không có ý kiến đối với yêu cầu của bà K, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Từ các nhận định trên, có cơ sở xác định bà K không ký hợp đồng lao động, không trực tiếp tham gia lao động tại Công ty Cổ phần D, giữa bà K và Công ty Cổ phần D không có quan hệ lao động mà người trực tiếp làm việc tại Công ty Cổ phần D là bà C, việc này vi phạm các quy định tại khoản 1, khoản 4 Điều 30 của Bộ luật lao động năm 1994 (đã được sửa đổi bổ sung năm 2002, 2006, 2007). Do đó, có cơ sở xem xét chấp nhận yêu cầu của bà K về việc yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà K (do bà C ký tên và thực hiện) và Công ty Cổ phần D trong khoảng thời gian tháng 09/2009 đến tháng 12/2010 vô hiệu do không đúng người lao động tham gia ký kết hợp đồng lao động. Về hậu quả của hợp đồng lao động vô hiệu, các đương sự đã được giải thích rõ và không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[3] Xét ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức là phù hợp với các quy định của pháp luật nên chấp nhận toàn bộ.

[4] Về lệ phí giải quyết việc dân sự:

Lệ phí giải quyết việc dân sự là 300.000 đồng bà Trần Thị Mộng K phải chịu theo quy định tại Điều 149 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Về quyền kháng cáo, kháng nghị:

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 10 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 10 ngày kể từ ngày nhận quyết định hoặc quyết định được cấp, tổng đạt, niêm yết theo quy định của pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 33; điểm d khoản 2 Điều 35; điểm v khoản 1 Điều 39; Điều 143; Điều 149; Điều 364; Điều 367; Điều 369; Điều 370; Điều 371; Điều 372; khoản 1 Điều 401 và Điều 402 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1, khoản 4 Điều 30 Bộ luật lao động năm 1994 (đã được sửa đổi bổ sung năm 2002, 2006, 2007)

- Căn cứ khoản 1 Điều 37 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu giải quyết việc dân sự của bà Trần Thị Mộng K:

Tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Trần Thị Mộng K và Công ty Cổ phần D trong khoảng thời gian tháng 09/2009 đến tháng 12/2010 là vô hiệu.

2. Về lệ phí giải quyết việc dân sự:

Bà Trần Thị Mộng K phải chịu toàn bộ lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí, lệ phí bà K đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai ký hiệu: BLTU/23P, số 0043692 ngày 01/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Thủ Đức, bà K đã nộp đủ lệ phí. Bà C, Công ty Cổ phần D không phải chịu lệ phí.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị:

Bà Trần Thị Mộng K, bà Lê Thị Mộng C có quyền kháng cáo quyết định này trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định. Công ty Cổ phần D được quyền kháng cáo trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc quyết định được cấp, tổng đạt, niêm yết theo quy định của pháp luật. Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức có quyền kháng nghị trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định./.

Nơi nhận:

- TAND TP.Hồ Chí Minh;
- VKSND TP.Hồ Chí Minh;
- VKSND TP.Thủ Đức;
- Chi cục THADS TP.Thủ Đức;
- Đường sự;
- Lưu: VT; Hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

đã ký

Nguyễn Trung Thực